

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành Quy định các chế độ đối với người học (sửa đổi lần thứ 1)
của Trường Đại học Y Dược Thái Bình**

HỘI ĐỒNG TRƯỜNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục Đại học số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2019 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 3862/QĐ-BYT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc công nhận Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình nhiệm kỳ 2020-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 18/NQ-HĐTYDTB ngày 24/9/2021 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Căn cứ Nghị quyết số 67/NQ-HĐTYDTB ngày 12/12/2022 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc ban hành Quy định các chế độ đối với người học của Trường Đại học Y Dược Thái Bình;

Xét Tờ trình số 1310/TTr-YDTB ngày 17/12/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Thái Bình về việc đề nghị xem xét, sửa đổi quy định các chế độ đối với người học; Báo cáo thẩm tra và đề xuất của Ban Đào tạo và Khoa học công nghệ;

Căn cứ Nghị quyết Phiên họp lần thứ 20 số 172/NQ-HĐTYDTB ngày 31/12/2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình, nhiệm kỳ 2020-2025.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định các chế độ đối với người học (sửa đổi lần thứ 1) của Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

Điều 2. Nghị quyết có hiệu lực từ học kỳ II, năm học 2024-2025.

Điều 3. Hội đồng trường giao Hiệu trưởng Nhà trường tổ chức thực hiện Nghị quyết này đảm bảo đúng quy định của pháp luật;

Các thành viên Hội đồng trường, Ban Giám sát, Ban Đào tạo và Khoa học công nghệ giám sát việc thực hiện Nghị quyết này theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đảng ủy;
- Lưu: VPHĐT.

NS



QUY ĐỊNH CÁC CHẾ ĐỘ ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 179/NQ-HĐTYDTB ngày 08. tháng 01 năm 2025
 của Hội đồng trường Trường Đại học Y Dược Thái Bình)

I. MỘT SỐ QUY ĐỊNH CHUNG

Căn cứ Nghị Quyết của Đảng ủy, Hội đồng Trường, Ban Giám hiệu chỉ đạo Phòng Quản lý Đào tạo đại học làm đầu mối tổ chức phổ biến các quy định chế độ đối với người học; quyền lợi, nghĩa vụ của người học, mức học phí theo các quy định hiện hành vào đầu khoá học trong Tuần giáo dục công dân sinh viên đầu khóa.

Ban hành văn bản quy định tập hợp hồ sơ và xét chế độ đảm bảo phù hợp, công khai, minh bạch.

Không xét các chế độ thi đua, miễn giảm học phí, hỗ trợ học tập, hỗ trợ chi phí học tập, trợ cấp xã hội đối với người học đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức ngừng học, buộc thôi học, học lưu ban, học lại hoặc học bổ sung. Trường hợp người học phải dừng học, học lại, lưu ban (không quá một lần) do ốm đau, tai nạn hoặc dừng học vì lý do bất khả kháng không do kỷ luật hoặc tự thôi học thì Hiệu trưởng Nhà trường xem xét cho sinh viên trở lại học tập và tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ theo quy định.

Công khai danh sách dự kiến người học được hưởng các chế độ trên website và thông báo rộng rãi tới người học.

Phòng Quản lý Đào tạo đại học chịu trách nhiệm tiếp nhận các ý kiến từ người học; tham mưu việc thực hiện các quy định và soạn thảo quyết định trình Hiệu trưởng phê duyệt đối với các sinh viên được hưởng các chế độ (10 ngày sau khi công bố danh sách dự kiến).

Các quyết định nêu trên phải được niêm yết công khai trên website hoặc phổ biến tới người học.

II. QUY ĐỊNH BÌNH XÉT CÁC DANH HIỆU THI ĐUA

1. Căn cứ pháp lý

Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05/4/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy.

2. Thời gian thực hiện

Nhà trường tổ chức bình xét và công nhận các danh hiệu thi đua đối với cá nhân và tập thể lớp vào cuối mỗi học kỳ (cùng thời gian sơ kết các học kỳ và tổng kết năm học). Các trường hợp đặc biệt hoặc phát sinh, Phòng Quản lý Đào tạo đại học tập hợp thông tin báo cáo Ban Giám hiệu xem xét bổ sung các đợt xét và công nhận danh hiệu thi đua theo quy định.

3. Tiêu chuẩn bình xét các danh hiệu thi đua

3.1. Xét danh hiệu thi đua học kỳ:

3.1.1 Danh hiệu thi đua cá nhân

Danh hiệu thi đua cá nhân sinh viên được bình xét dựa trên kết quả học tập và kết quả rèn luyện tính điểm thi, kiểm tra lần thứ nhất.

Sinh viên có các học phần đạt từ 5,0 điểm trở lên với niêm chế; từ 4,0 điểm trở lên với tín chỉ. Riêng các học phần GDTC, GDQP phải có điểm kết thúc học phần từ 5,0 trở lên.

Không xét thi đua đối với trường hợp sinh viên vi phạm quy chế thi hoặc bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên. Sinh viên vi phạm các nội quy, quy định khác sẽ do Hội đồng thi đua xem xét, quyết định.

Danh hiệu thi đua cá nhân được xác định dựa trên kết quả học tập lần một và kết quả rèn luyện theo bảng sau:

XL HT XL RL	Xuất sắc	Giỏi	Khá
Xuất sắc	Xuất sắc	Giỏi	Khá
Tốt	Giỏi	Giỏi	Khá
Khá	Khá	Khá	Khá

3.1.2 Danh hiệu thi đua tập thể lớp sinh viên

a) Danh hiệu Tập thể lớp Tiên tiến

Tập thể lớp đạt danh hiệu Tiên tiến nếu đạt các tiêu chuẩn sau:

- Có sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Giỏi;
- Có từ 25% sinh viên đạt danh hiệu Khá trở lên;
- Không có sinh viên vi phạm quy chế thi hoặc bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên;

- Không có sinh viên có điểm TBCHT < 3,5 đối với lớp sinh viên đào tạo theo niên chế; không có sinh viên có điểm TBC tích lũy < 1,0 đối với lớp sinh viên diện đào tạo theo tín chỉ;

- Không có sinh viên có điểm rèn luyện xếp loại kém.

- Tập thể lớp đoàn kết, giúp đỡ nhau trong học tập và rèn luyện; tích cực tham gia các phong trào thi đua trong Nhà trường.

b) Danh hiệu Tập thể lớp Xuất sắc

Tập thể lớp đạt danh hiệu Xuất sắc là tập thể lớp đạt danh hiệu tập thể lớp Tiên tiến và có các tiêu chuẩn sau:

- Có sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Xuất sắc;

- Có từ 10% sinh viên đạt danh hiệu sinh viên Giỏi trở lên.

3.2. Danh hiệu thi đua năm học

Áp dụng đối với cá nhân sinh viên và tập thể lớp đã đạt các danh hiệu thi đua ở cả 02 học kỳ/năm học:

3.2.1. Danh hiệu thi đua cá nhân:

Sinh viên phải đạt danh hiệu thi đua cá nhân trong cả 2 học kỳ của năm học. Danh hiệu cá nhân được xác định theo bảng sau:

DH HK1 DH HK2	Xuất sắc	Giỏi	Khá
Xuất sắc	Xuất sắc	Giỏi	Khá
Giỏi	Giỏi	Giỏi	Khá
Khá	Khá	Khá	Khá

3.2.2. Danh hiệu thi đua tập thể:

Tập thể lớp phải đạt danh hiệu tập thể trong cả 2 học kỳ của năm học. Danh hiệu tập thể được xác định theo bảng sau:

DH HK1 DH HK2	Xuất sắc	Tiên tiến
Xuất sắc	Xuất sắc	Tiên tiến
Tiên tiến	Tiên tiến	Tiên tiến

4. Mức thưởng đối với các danh hiệu thi đua năm học

Danh hiệu sinh viên xuất sắc: 200.000đ/SV/năm học (*kèm theo giấy chứng nhận đạt danh hiệu*).

Danh hiệu sinh viên Giỏi: 100.000đ/SV/năm học (*kèm theo giấy chứng nhận đạt danh hiệu*).

Danh hiệu sinh viên Khá: Giấy chứng nhận đạt danh hiệu.

Danh hiệu Tập thể lớp sinh viên xuất sắc: 500.000đ/lớp/năm học.

Danh hiệu Tập thể lớp sinh viên tiên tiến: 300.000đ/lớp/năm học.

III. HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP

1. Căn cứ pháp lý

Thực hiện theo Nghị định số 84/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giáo dục.

2. Đối tượng xét cấp học bổng khuyến khích học tập

Sinh viên đang học tập theo chương trình đào tạo đại học chính quy tại Trường (trừ sinh viên là lưu học sinh).

3. Điều kiện xét cấp học bổng khuyến khích học tập

- Đạt danh hiệu thi đua cá nhân học kỳ trước từ loại khá trở lên.
- Không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên trong học kỳ trước.
- Không xét học bổng khuyến khích ở học kì đầu sau khi SV chuyển từ Trường khác về học tập.
- Số tín chỉ tích lũy trong học kỳ trước đó đạt từ 14 tín chỉ trở lên (trừ trường hợp đặc biệt do kế hoạch học tập chi tiết không đảm bảo đủ 14 tín chỉ).

4. Nguồn học bổng

Trích tối thiểu 8% nguồn thu học phí hệ đại học chính quy của kỳ học xét cấp học bổng tương ứng với từng khóa học.

5. Mức học bổng

a) *Mức học bổng loại khá*: Sinh viên đạt danh hiệu thi đua loại khá, bằng mức học phí năm học.

b) *Mức học bổng loại giỏi*: Sinh viên đạt danh hiệu thi đua loại giỏi. Mức học bổng loại giỏi bằng 120% mức học bổng loại khá.

c) *Mức học bổng loại xuất sắc*: Sinh viên đạt danh hiệu thi đua loại xuất sắc. Mức học bổng loại xuất sắc bằng 140% mức học bổng loại khá.

6. Nguyên tắc xét cấp

- Danh hiệu thi đua, kết quả học tập và rèn luyện của sinh viên trong học kỳ trước là căn cứ để xét cấp học bổng KKHT cho học kỳ sau. Cấp 11 kỳ học bổng đối với khóa học 06 năm, 09 học kỳ đối với khóa học 05 năm và 07 học kỳ đối với khóa học 04 năm.

- Học bổng KKHT được cấp theo khóa học, ngành học và theo từng học kỳ, mỗi năm học tính 2 học kỳ, mỗi học kỳ tính 5 tháng.

- Học bổng KKHT được cấp vào tháng 4 và tháng 11 hàng năm.

- Sinh viên đủ điều kiện nhận học bổng KKHT được quyết định dựa trên các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên như sau: danh hiệu thi đua, điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện. Đến cuối danh sách sinh viên đủ điều kiện nhận học bổng KKHT mà số lượng sinh viên có cùng danh hiệu thi đua, điểm trung bình chung học tập và điểm rèn luyện vượt quá số suất học bổng, phòng Quản lý Đào tạo đại học đề nghị Hiệu trưởng xem xét cấp bổ sung học bổng.

* Trường hợp các khối sinh viên không đủ chỉ tiêu xét học bổng (thừa kinh phí cấp học bổng), các suất học bổng còn dư sẽ được cấp bổ sung cho sinh viên thuộc các khối khác cùng ngành đào tạo; Nếu số suất học bổng vẫn còn dư thì sẽ xét cho các sinh viên các ngành khác đủ điều kiện nhận học bổng KKHT nhưng chưa được cấp học bổng theo thứ tự ưu tiên cho đến khi hết số suất học bổng. Khối/ngành khác trong nội dung này do Hiệu trưởng quyết định trên cơ sở tham mưu của phòng Quản lý Đào tạo đại học.

IV. MIỄN, GIẢM HỌC PHÍ

1. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27/8/2021 của Chính phủ về việc quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

Nghị định số 97/2023/NĐ-CP ngày 31/12/ 2023 của Chính phủ về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 81/2021/NĐ-CP ngày 27 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ quy định về cơ chế thu, quản lý học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập; giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo.

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Đối tượng được miễn học phí: Sinh viên đang học theo các chương trình đại học chính quy (trừ sinh viên diện cử tuyển, sinh viên đào tạo theo địa chỉ sử

dụng/đặt hàng, sinh viên là lưu học sinh, sinh viên đang được hưởng lương và sinh hoạt phí khi đi học) thuộc một trong các diện sau đây:

2.1.1. Các đối tượng theo quy định tại Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng: Sinh viên là con bệnh binh, con thương binh, con liệt sĩ...

2.1.2. Sinh viên khuyết tật.

2.1.3. Sinh viên từ 16 tuổi đến tối đa không quá 22 tuổi thuộc đối tượng hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/3/2021 của Chính phủ về chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội, gồm các đối tượng:

a) Bị bỏ rơi chưa có người nhận làm con nuôi;

b) Mồ côi cả cha và mẹ;

c) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

d) Mồ côi cha hoặc mẹ và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

e) Cả cha và mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật;

g) Cả cha và mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

h) Cả cha và mẹ đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

i) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội, nhà xã hội;

k) Cha hoặc mẹ bị tuyên bố mất tích theo quy định của pháp luật và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc;

l) Cha hoặc mẹ đang hưởng chế độ chăm sóc, nuôi dưỡng tại cơ sở trợ giúp xã hội và người còn lại đang trong thời gian chấp hành án phạt tù tại trại giam hoặc đang chấp hành quyết định xử lý vi phạm hành chính tại trường giáo dưỡng, cơ sở giáo dục bắt buộc, cơ sở cai nghiện bắt buộc.

2.1.4. Sinh viên người dân tộc thiểu số có cha hoặc mẹ hoặc cả cha và mẹ hoặc ông bà (*trong trường hợp ở với ông bà*) thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định của Thủ tướng chính phủ.

2.1.5. Sinh viên người dân tộc thiểu số rất ít người quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn theo quy định hiện hành của cơ quan có thẩm quyền, gồm sinh viên thuộc 16 dân tộc có số dân dưới 10.000 người: Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, O Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lụ, Pà Thén, La Hủ.

2.2. Đối tượng được giảm 70% học phí

Sinh viên là người dân tộc thiểu số (*ngoài đối tượng dân tộc thiểu số rất ít người*) ở thôn/bản đặc biệt khó khăn, xã khu vực III vùng dân tộc và miền núi, xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển hải đảo theo quy định hiện hành.

2.3. Đối tượng được giảm 50% học phí

Sinh viên là con cán bộ, công chức, viên chức, công nhân mà cha hoặc mẹ bị tai nạn lao động hoặc mắc bệnh nghề nghiệp được hưởng trợ cấp thường xuyên.

3. Hồ sơ đề nghị miễn, giảm học phí

Người học thuộc diện miễn, giảm học phí phải nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị xét chế độ cho mỗi học kỳ trong thời hạn quy định. Trường hợp sinh viên thuộc diện người được quy định trong Pháp lệnh người có công với cách mạng, sinh viên người khuyết tật cần nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị xét miễn giảm học phí ngay khi nhập học để xét miễn giảm cho toàn khóa.

V. HỖ TRỢ HỌC TẬP ĐỐI VỚI SINH VIÊN DÂN TỘC RẤT ÍT NGƯỜI

1. Căn cứ pháp lý

Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 09/5/2017 của Chính phủ về việc quy định chính sách ưu tiên tuyển sinh và hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh, sinh viên dân tộc thiểu số rất ít người.

2. Đối tượng áp dụng

Sinh viên hệ đại học chính quy (trừ sinh viên hệ liên thông) là người dân tộc thiểu số rất ít người (Cống, Mảng, Pu Péo, Si La, Cờ Lao, Bố Y, La Ha, Ngái, Chứt, O Đu, Brâu, Rơ Măm, Lô Lô, Lụ, Pà Thén, La Hủ) nộp 01 bộ hồ sơ đầu khóa học để đề nghị xét hỗ trợ học tập.

3. Mức hỗ trợ

- Hỗ trợ học tập bằng 100% mức lương cơ sở/người/tháng.
- Thời gian được hưởng hỗ trợ: 12 tháng/năm cho đối tượng có thời gian học đủ 9 tháng/năm trở lên; trường hợp đối tượng học không đủ 9 tháng/năm thì được hưởng theo thời gian học thực tế.

4. Nguồn học bỗng

Nguồn kinh phí chi trả chính sách hỗ trợ đối với sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người được cân đối trong nguồn kinh phí chi thường xuyên sự nghiệp giáo dục, đào tạo hằng năm theo phân cấp quản lý ngân sách nhà nước.

Trường hợp chưa được Nhà nước cấp kinh phí, Nhà trường xem xét cấp hỗ trợ học tập cho sinh người dân tộc thiểu số rất ít người bằng nguồn kinh phí của Nhà trường để hỗ trợ người học.

VI. HỖ TRỢ CHI PHÍ HỌC TẬP

1. Căn cứ pháp lý

1.1. Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học;

1.2. Thông tư liên tịch số 35/2014/TTLT-BGDDT-BTC ngày 15/10/2014 của Bộ GD&ĐT, Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn thực hiện Quyết định số 66/2013/QĐ-TTg ngày 11/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ Quy định chính sách hỗ trợ chi phí học tập đối với sinh viên là người dân tộc thiểu số học tại các cơ sở giáo dục đại học.

2. Đối tượng áp dụng

Sinh viên được hưởng hỗ trợ chi phí học tập bằng 60% mức lương cơ sở/SV/tháng, mỗi năm học được cấp 10 tháng, mỗi học kỳ cấp 05 tháng. Hỗ trợ chi phí học tập áp dụng đối với sinh viên có đủ các điều kiện sau:

2.1. Là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo và hộ cận nghèo theo quy định.

2.2. Sinh viên trúng tuyển vào Trường thông qua phương thức xét kết quả kỳ thi THPT Quốc gia/tốt nghiệp THPT hoặc tuyển thẳng theo đối tượng thí sinh có giải quốc gia, quốc tế được quy định tại Đề án tuyển sinh hằng năm.

Hỗ trợ chi phí học tập không áp dụng đối với sinh viên: Cử tuyển, các đối tượng chính sách được xét tuyển, đào tạo theo địa chỉ, đào tạo liên thông, văn bằng hai và học đại học, cao đẳng sau khi hoàn thành chương trình dự bị đại học.

Người học thuộc diện hỗ trợ chi phí học tập phải nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị xét chế độ mỗi học kỳ trong thời hạn quy định.

VII. TRỢ CẤP XÃ HỘI

1. Căn cứ pháp lý

Văn bản hợp nhất số 05/VBHN-BGDĐT ngày 30/8/2021 của Bộ GD&ĐT về học bổng và trợ cấp xã hội đối với học sinh, sinh viên các trường đào tạo công lập.

2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng được hưởng trợ cấp xã hội 12 tháng trong năm là sinh viên hệ đại học chính quy (trừ sinh viên là lưu học sinh) thuộc một trong các diện sau đây:

- Người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.
- Người mồ côi cả cha lẫn mẹ không nơi nương tựa.
- Người tàn tật theo quy định chung của Nhà nước và gặp khó khăn về kinh tế.
- Sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn về kinh tế vượt khó học tập.

Trợ cấp xã hội được xét theo từng học kỳ và cấp 12 tháng trong năm. Sinh viên phải nộp 02 bộ hồ sơ đề nghị xét trợ cấp xã hội mỗi học kỳ trong thời hạn quy định.

3. Mức trợ cấp:

Mức trợ cấp xã hội áp dụng theo đối tượng:

- Sinh viên là người dân tộc thiểu số ở vùng cao, vùng sâu và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn được trợ cấp 140.000 đồng/tháng.
- Các đối tượng khác được hưởng mức trợ cấp 100.000 đồng/tháng.

VIII. HỖ TRỢ NGƯỜI HỌC CÓ HOÀN CẢNH KHÓ KHĂN

Ngoài việc hướng dẫn thủ tục, hỗ trợ để người học được hưởng các chế độ theo quy định tại các văn bản pháp quy hiện hành, Ban Giám hiệu chỉ đạo các đơn vị chức năng triển khai thực hiện hỗ trợ người học có điều kiện khó khăn, chưa đủ điều kiện hưởng các chế độ theo quy định nêu trên, cụ thể:

+ Từng năm học Nhà trường bố trí kinh phí hợp lý để lập quỹ hỗ trợ người học và trình Hội đồng trường phê duyệt (dự kiến năm học 2024-2025 đề nghị trích 300 triệu đồng từ nguồn thu sự nghiệp của Trường) để hỗ trợ học phí, cấp học bổng đối với sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khó khăn đột xuất, kinh tế gia đình bị ảnh hưởng nặng nề bởi thiên tai, dịch bệnh...

+ Căn cứ tình hình thực tiễn trong năm học, Hiệu trưởng Nhà trường có phương án sử dụng Quỹ hỗ trợ người học để triển khai các hoạt động hỗ trợ người học theo quy định và báo cáo kết quả thực hiện tại kỳ họp kế tiếp của Hội đồng trường và định kỳ theo năm học với Đảng ủy và Hội đồng trường.

+ Tăng cường kêu gọi kinh phí hợp pháp hỗ trợ Quỹ hỗ trợ người học, cấp học bổng, hỗ trợ học tập từ các doanh nghiệp, nhà hảo tâm, các tổ chức trong xã hội và cựu người học dành cho các sinh viên có thành tích học tập và rèn luyện cao, sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, sinh viên nghèo vượt khó...

+ Hỗ trợ thủ tục và tạo điều kiện tốt nhất để sinh viên hoàn thiện thủ tục vay vốn tại các ngân hàng và các tổ chức tín dụng hợp pháp.

✓